TỔNG CỤC HẬU CẦN - KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUÂN Y 354
Số: 2943 /QĐ-BVQY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất xét nghiệm bổ sung năm 2026 của Bệnh viện Quân y 354

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN QUÂN Y 354

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 : Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế ; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 59/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu hình thức chỉ thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Công nghệ ngày 05/11/2026 thông qua danh mục, số lượng và giá gói thầu mua hóa chất xét nghiệm bổ sung năm 2026 của Bệnh viện Quân y 354 ;

Theo đề nghị của khoa Dược tại Tờ trình ngày 09 tháng 11 năm 2026 về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất xét nghiệm bổ sung năm 2026 của Bệnh viện Quân y 354.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: mua sắm hoá chất xét nghiệm bổ sung năm 2026 của Bệnh viện Quân y 354.

(Chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2. Tổ chuyên gia đấu thầu và tổ thẩm định đấu thầu: Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 và rà soát hoàn chỉnh hồ sơ, đăng tải thông tin, tổ chức triển khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thực hiện các nội dung tiếp theo của quá trình lựa chọn nhà thầu đúng trình tự, thủ tục quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược, ban Tài chính, tổ chuyên gia đấu thầu và tổ thẩm định đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, D, Th05.

GIÁM ĐỐC

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT ★ BỆNH VIỆN QUÂN Y 354

Đại tá Hà Duy Dương

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA SẮM HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM BỔ SUNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2943 /QĐ-BVQY ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Quân y 354)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Quân y 354	Mua hoá chất xét nghiệm bổ sung năm 2026	Mua sắm hoá chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn *(Chi tiết tại Phụ lục II)*	**1.989.566.982** đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng)*	Kinh phí thực hiện tự chủ	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV/ 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng	Không
Tổng cộng: 1.989.566.982 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng .)*												

Phụ lục II

DANH MỤC GÓI THẦU MUA HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM BỔ SUNG
NĂM 2026 CỦA BỆNH VIỆN QUÂN Y 354

(Kèm theo Quyết định số:2943 /QĐ-BVQY ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Quân y 354)

TT	Tên hàng hóa	Thành phần, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá KH (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ, Có VAT)
I	**Hoá chất xét nghiệm máy sinh hóa AU 680 và DxC 700**							
1	Hóa chất kiểm chứng HDL/LDL CHOLESTEROL	Thành phần: Huyết thanh người chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); dạng bột đông khô Giá trị được truy xuất theo các phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control) Tương thích với máy sinh hóa AU680 và DxC 700	ml	120	SERO AS, Na Uy sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Na Uy	157.080	18.849.600
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Thành phần: Caffeine; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate; Surfactant Phương pháp: DPD Dải tuyến tính: 0,5–513 µmol/L (0,03–30 mg/dL) Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,0% Tương thích với máy sinh hóa AU680 và DxC 700	ml	720	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	26.376	18.990.720
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	Thành phần: Glycine buffer; Latex, phủ kháng thể kháng CRP Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục Dải tuyến tính: + Ứng dụng bình thường: 0,2–480 mg/L + Ứng dụng độ nhạy cao: 0,08–80 mg/L Độ lặp lại: CV ≤ 6%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10% Tương thích với máy sinh hóa AU 680 và DxC 700	ml	720	Denka Co., Ltd., Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Nhật Bản	67.620	48.686.400
4	Hóa chấtxét nghiệm định lượng Ferritin	Khoảng đo: 5,4 - 500 µg/L, phương pháp đo: Đo độ đục, LATEX. Tương thích với máy sinh hóa AU680 và DxC 700	ml	270	BioSystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	142.737	38.538.990
	Tổng cộng: 04 khoản							**125.065.710**

II	**Máy đông máu CA620, CS2500**							
5	Hoá chất định lượng Fibrinogen trong huyết tương	Thành phần chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml Tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động Tương thích với máy đông máu CA620, CS2500	ml	60	Siemens Healthcare Diagnostics Products GmbH	Đức	597.450	35.847.000
	Tổng cộng: 01 khoản							**35.847.000**
III	**Hoá chất xét nghiệm máy Symex UC 3500**							
6	Que thử nước tiểu 11 thông số	Các thành phần phản ứng (trên 1 ô thử 1 cm2) [Urobilinogen] Metaphosphoric acid; 3,4-methylenedioxybenzen diazonium tetrafluoroborate [Máu] Cumen hydroperoxide; 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine [Protein] Tetrabromophenol xanh dương [Glucose] Glucose oxidase; peroxidase; 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine [Ketones] Glycin, sodium nitroprusside. [Bilirubin] 2,4-dichlobenzene diazonium tetrafluoroborate. [Nitrit] Sulfanilamide, N- (1-Naphytylamino) -3-propanesulfonic acid [Bạch cầu] 3-(N-Toluenesulfonyl-L-alanyloxy)-indole; Muối 2-methoxy-4-(N-morpholino)-benzenediazonium [pH] Methyl đỏ, bromothymol xanh dương [Creatinine] 3,5-dinitrobenzoic acid [Albumin] Tetrabromophenol xanh dương Một ô thử trắng được sử dụng để hiệu chỉnh ảnh hưởng của màu nước tiểu, không dùng để phân tích. Tương thích với máy Symex UC 3500	Que	12.000	Eiken Chemical Co., Ltd., Nogi Plant	Nhật Bản	13.545	162.540.000
	Tổng cộng: 01 khoản							**162.540.000**
IV	**Hoá chất xét nghiệm máy Cobas e601**							
7	Hóa chất xét nghiệm Alpha-Fetoprotein	M :Vi hạt phủ Streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu biotin; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu phức hợp ruthenium ; đệm phosphate Tương thích với máy Cobas e601	test	3.000	Roche Diagnostics GmbH	Đức	39.650	118.950.000

8	Hóa chất xét nghiệm định lượng nồng độ hormone tuyến giáp T3 tự do	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng T3 đánh dấu phức hợp ruthenium ; đệm phosphate. R2: T3 đánh dấu biotin; đệm phosphate Tương thích với máy Cobas e601	test	2.000	Roche Diagnostics GmbH	Đức	26.923	53.846.000
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng nồng độ hormone tuyến giáp T4 tự do	M:Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng T4 đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate. R2: T4 đánh dấu biotin; đệm phosphate Tương thích với máy Cobas e601	test	1.600	Roche Diagnostics GmbH	Đức	28.269	45.230.400
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng nồng độ hormone tuyến giáp TSH	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu biotin ; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Tương thích với máy Cobas e601	test	1.000	Roche Diagnostics GmbH	Đức	26.923	26.923.000
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô phôi	M: Vi hạt phủ Streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu biotin; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Tương thích với máy Cobas e601	test	3.000	Roche Diagnostics GmbH	Đức	44.056	132.168.000
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin T siêu nhạy	M: Vi hạt phủ streptavidin R1: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim; đệm phosphate. R2: Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate Tương thích với máy Cobas e601	test	1.000	Roche Diagnostics GmbH	Đức	46.200	46.200.000
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol	M: Vi hạt phủ Streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng cortisol đánh dấu biotin; danazol ; đệm MES R2: Dẫn xuất cortisol đánh dấu phức hợp ruthenium; danazol ; đệm MES Tương thích với máy Cobas e601	test	800	Roche Diagnostics GmbH	Đức	39.650	31.720.000
14	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	Huyết thanh người đông khô chứa cortisol với hai khoảng nồng độ. Tương thích với máy Cobas e601	ml	4	Roche Diagnostics GmbH	Đức	367.133	1.468.532
15	Hoá chất chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH	Hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa ACTH với 2 khoảng nồng độ. Tương thích với máy Cobas e601	ml	4	Roche Diagnostics GmbH	Đức	764.860	3.059.440

16	Hoá chất xét nghiệm định lượng ACTH	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng ACTH đánh dấu biotin;đệm MES. R2: Kháng thể đơn dòng kháng ACTH đánh dấu phức hợp ruthenium ; đệm MES Tương thích với máy Cobas e601	test	600	Roche Diagnostics GmbH	Đức	77.098	46.258.800
17	Hoá chất kiểm soát các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PlGF, sFlt	Mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ hỗn hợp huyết thanh ngựa với 2 khoảng nồng độ. Tương thích với máy Cobas e601	ml	12	Roche Diagnostics GmbH	Đức	735.000	8.820.000
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Procalcitonin	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu biotin; đệm phosphate . R2: Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu phức hợp ruthenium ; đệm phosphate Tương thích với máy Cobas e601	test	1.500	Roche Diagnostics GmbH	Đức	195.804	293.706.000
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt	M: Vi hạt phủ Streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin ; đệm phosphate . R2: Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu phức hợp ruthenium; đệm phosphate. Tương thích với máy Cobas e601	test	1.200	Roche Diagnostics GmbH	Đức	61.189	73.426.800
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng NT-pro BNP	M: Vi hạt phủ streptavidin. R1: Kháng thể đơn dòng kháng NT proBNP đánh dấu biotin; đệm phosphate . R2: Kháng thể đơn dòng kháng NT proBNP đánh dấu phức hợp ruthenium ; đệm phosphate . Tương thích với máy Cobas e601	test	1.500	Roche Diagnostics GmbH	Đức	255.780	383.670.000
21	Dung dịch pha loãng bệnh phẩm	Hỗn hợp protein; chất bảo quản ≤ 0.1 % Tương thích với máy Cobas e601	ml	320	Roche Diagnostics GmbH	Đức	53.540	17.132.800
	Tổng cộng: 15 khoản							**1.282.579.772**
V	**Hoá chất xét nghiệm máy Symex HISCL-800**							
22	Hóa chất xét nghiệm HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương	Thuốc thử R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) kháng HBs gắn biotin 1.0 µg/mL. Thuốc thử R2. Thuốc thử R3: gồm kháng thể đơn dòng (chuột) kháng HBs gắn ALP 0.3 U/mL. Tương thích với máy Symex HISCL-800	test	500	Sysmex Corporation, Seishin Factory	Nhật Bản	30.975	15.487.500

23	Hóa chất phát hiện kháng thể Anti-HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương	Thuốc thử R1: chứa kháng nguyên HCV gắn biotin 0.33 µg/mL. Thuốc thử R2: chứa vi hạt từ được phủ kháng nguyên HCV 5 mg/mL. Thuốc thử R3: chứa kháng thể đơn dòng (từ chuột) kháng IgG ở người, có gắn ALP 0.15 U/mL. Tương thích với máy Symex HISCL-800	test	300	Sysmex Corporation, Seishin Factory	Nhật Bản	84.840	25.452.000
	Tổng cộng: 02 khoản							**40.939.500**
VI	**Hoá chất xét nghiệm máy định danh Vitek**							
24	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thẻ định danh Gram âm sử dụng với máy VITEK 2 để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa. Tham chiếu bằng kit định danh API®, hoặc giải trình tự gen 16S rRNA, định danh chính xác > 90%. Tương thích với máy định danh VITEK	Thẻ	160	BioMerieux Inc	Mỹ	180.600	28.896.000
25	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy VITEK 2 để định danh các vi sinh vật Gram dương Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa Tham chiếu bằng kit định danh API®, hoặc giải trình tự gen 16S rRNA, định danh chính xác > 90%. Tương thích với máy định danh VITEK	Thẻ	100	BioMerieux Inc	Mỹ	180.600	18.060.000
26	Thẻ định danh cho Nấm	Thẻ định danh nấm men sử dụng với máy VITEK 2 để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men Tham chiếu bằng kit định danh API®, hoặc giải trình tự gen 16S rRNA, định danh chính xác > 90%. Tương thích với máy định danh VITEK	Thẻ	140	BioMerieux Inc	Mỹ	180.600	25.284.000
27	Thẻ kháng sinh đồ Nấm	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm dùng với máy VITEK 2. Mỗi thẻ chứa các kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Tương thích với máy định danh VITEK	Thẻ	60	BioMerieux Inc	Mỹ	180.600	10.836.000
	Tổng cộng: 04 khoản							**83.076.000**
VII	**Hóa chất xét nghiệm nội kiểm**							
28	Hóa chất nội kiểm tra xét nghiệm mỡ máu mức 1	Dạng đông khô tăng tính ổn định, 100% huyết thanh người, chứa 7 thông số xét nghiệm. Không chứa Sodium azide - không gây nhiễu cho các phương pháp clearance. Ổn định đến hạn tại 2- 8ºC.	ml	60	Randox Laboratories Limited	Vương quốc Anh	234.000	14.040.000

29	Hóa chất nội kiểm tra xét nghiệm mỡ máu mức 2	Dạng đông khô tăng tính ổn định, 100% huyết thanh người, chứa 7 thông số xét nghiệm. Không chứa Sodium azide - không gây nhiễu cho các phương pháp clearance. Ổn định đến hạn tại 2- 8ºC.	ml	60	Randox Laboratories Limited	Vương quốc Anh	234.000	14.040.000
	Tổng cộng: 02 khoản							**28.080.000**
VIII	**Hoá chất xét nghiệm khác**							
30	Bộ kít test vi khuẩn Helicobacter Pyroli qua khí thở	Độ nhạy 95% và độ đặc hiệu 97%. - Ống chỉ thị là ống plastic bịt hai đầu với hợp chất chỉ thị bên trong ống. Lượng urea nạp-0.5 g cho 1 phân tích;, D-Mannitol - 2.0 g cho 1 phân tích; - Đầu ngậm; Ống nối: ống silicon linh hoạt kết nối ống chỉ thị và thiết bị; Thẻ QR-code;	Hộp	450	AMA Co. Ltd	Nga	360.000	162.000.000
31	Môi trường nuôi cấy phân biệt các vi nấm	Môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân huỷ bảo vệ môi trường. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH: 5.6 ± 0.2 ở 25°C	Đĩa	100	Công ty Cổ phần SEMIND	Việt Nam	14.490	1.449.000
32	Test nhanh chẩn đoán HBsAg	Sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - Vùng cộng hợp: Kháng thể kháng HBsAg 0,35ug, kháng thể IgG thỏ 0,233ug - Vạch kết quả: Kháng thể kháng HBsAg 0,514ug - Vạch chứng: Kháng thể IgG dê kháng thỏ 0,428ug Ngưỡng phát hiện (LOD): 0,92ng/mL - Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.7%; Độ chính xác tương quan: 99,8% Không có phản ứng chéo với: yếu tố dạng thấp RF, vi rút viêm gan D, vi rút viêm gan E, vi rút viêm gan G. Không bị gây nhiễu bởi các chất sau: Methydopa, dextran, acetylsalicylic acid, furosemide, indomethacin, nicotinic acid, probenecid, quindine hydrochloride monhydrate, sulfamethoxazole. Đọc kết quả ở phút thứ 10	Test	2.400	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	8.500	20.400.000

33	Test nhanh xét nghiệm sàng lọc và định tính các loại ma túy Morphine (MOP/ Amphetamin (AMP)/ Marijuna (THC)/ Codein (COD)/ Heroin (HER	Bảng xét nghiệm sàng lọc nhiều loại thuốc là xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng bên để phát hiện định tính nhiều loại thuốc và chất chuyển hóa thuốc trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng sau : MOP 300 ng/mL ; AMP 500 ng/mL; THC 50 ng/mL; COD 300 ng/mL; HER 10 ng/mL Đánh giá được thực hiện trên ≥1200 mẫu Độ nhạy >99.9% Độ đặc hiệu >99.9% Độ chính xác >99.9% Độ lặp lại : 100 % Độ ổn định : 100% Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức độ cao, thấp, bình thường (1.000-1.037) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test . Với 106 Các hợp chất không cho thấy phản ứng chéo khi được thử nghiệm với bảng xét nghiệm sàng lọc nhiều loại thuốc ở nồng độ 100 µg/mL Không bị phản ứng can thiệp âm tính hay dương tính bởi các chất: Ure, Albumin, Nitrit, Hemoglobin và Bilirubin Thời gian đọc kết quả 3- 5 phút nhưng không đọc sau 10 phút Nhiệt độ bảo quản 4-30 độ C	Test	1.000	Hangzhou Testsea Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	35.000	35.000.000
34	Cồn tuyệt đối	Dung dịch trong, màu đồng nhất , không có cắn và vật lạ có mùi đặc trưng của Ethanol	Lít	100	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Việt Nam	55.900	5.590.000
35	Khuôn đúc mô bệnh phẩm có nắp lỗ nhỏ	- Làm bằng vật liệu P.O.M (Poly Acetal), 100% chống lại phản ứng hóa học của dung môi mô học - Với các lỗ vuông kích thước 0,9mm × 0,9mm - Với hai khu vực ghi nhãn lớn trên các mặt của băng cassette và bề mặt ghi nghiêng phía trước được cải tiến góc 45	cái	2.000	CITOTEST LABWARE Manufacturing Co.,Ltd	Trung Quốc	1.600	3.200.000

36	Dao cắt BP	• Dùng để cắt tiêu bản, để cắt mẫu sinh học thành các phần rất mỏng cho vi xét nghiệm hiển vi chi tiết trong khoa giải phẫu bệnh • Lưỡi dao cắt loại lowprofile, Làm bằng thép không rỉ, kích thước 80x8x0.25mm, góc nghiêng 35 độ, • Cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm, cắt lạnh, cắt mỏng), được sử dụng hàng ngày với độ sắc lưỡi dao ổn định.	Cái	100	Erma Inc.	Nhật Bản	38.000	3.800.000
	Tổng cộng: 07 khoản							**231.439.000**
	Tổng cộng: 36 khoản							**1.989.566.982**
(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng)								